Brochure courtesy of Division of Law Enforcement, DEM

Design by Page Trim Design

Illustrations by Roberta Calore, All rights reserved
Division of Fish & Wildlife,
Aquatic Resource Education Program

Printed on recycled paper

DEPARTMENT OF ENVIRONMENTAL MANAGEMENT
Division of Law Enforcement
83 Park Street • Providence, RI 02903
Chief Steven H. Hall

Emergencies/Complaints: 401-222-3070
www.state.ri.us/dem

Donald L. Carcieri, Governor
Jan H. Reitsma, Director

ENVIRONMENTAL POLICE

6/03

2003 Rhode Island Marine Fisheries

Commonly Caught Fish & Shellfish

Multi-Language Information Brochure

(English, Hmong, Vietnamese, Portuguese, Spanish, Cambodian and Laotian)

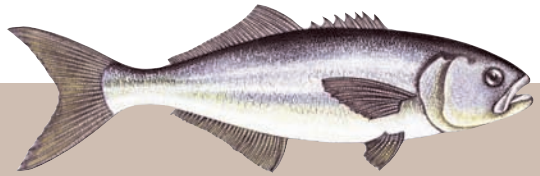

Tsuas nteg tau ntseg hab khum

Hải sản có vỏ và không vỏ thường câu

Peixes e Moluscos geralmente pescados

Peces y mariscos que se pescan con más frecuencia

អ្នកដែលរស់នៅក្នុងរដ្ឋរ៉ូដអៃឡិន្ត សូមពិនិត្យមើល
កំណត់ និងទឹកនៅទឹកន្លែងនោះ ខ្លាចមានជាតិពុល

ຕາມປົກກະຕິ ລະດູຫາປາ ແລະ ລະດູເກັບຫອຍ.

ENVIRONMENTAL POLICE

DEPARTMENT OF ENVIRONMENTAL MANAGEMENT
Division of Law Enforcement

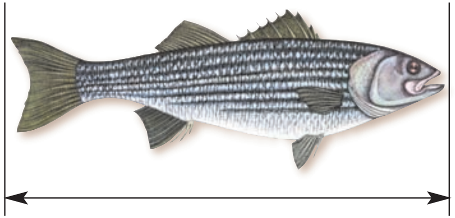

How to measure a fish

(Total length-tip of snout to tip of tail)

Kev ntsuag ntseg (pib ntawm dlaim tawv tis ncauj rua nraag kawg tug kua twv)

Cách đo cá (từ đầu mũi đến đầu đuôi)

Como medir um peixe (comprimento total: da ponta do bico à ponta da cauda)

Cómo tomar la medida del pez: (el total de la medida desde la punta del hocico hasta la punta de la cola)

សេចក្តីវាស់ត្រី (វាស់ពី ច្រមុះ ទៅដល់ចុងកន្ទុយត្រី)

ວິທີວັດປາ (ຄວາມຍາວທັງໝົດ – ຈາກປາຍປາກໄປເຖິງປາຍຫາງ)

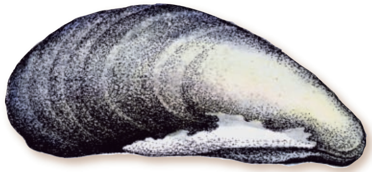

MUSSEL

Minimum size 1 1/2” longest axis

Qhov tsawg kawg nkaus
Lws le 1 1/2” ntev txuj kaab huv plawv

Kích thước tối thiểu 1,5
in theo khoảng cách xa nhất

Tamanho mínimo 1 1/2” no eixo mais comprido

Tamaño mínimo 1 1/2””
desde la parte más ancha del axis

សមប្បមាន ទំហុំប្រវែង ១អ៊ីងកន្លះ

ຂນາດນ້ອຍ ບໍ່ຫລຸດ 1½” ຄວາມຍາວທັມມະຊາດ.

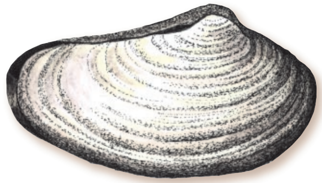

SOFT SHELL CLAM

Minimum size 1 1/2" longest axis

Qhov tsawg kawg nkaus
Lws le 1 1/2" ntev txuj kaab huv plawv

Kích thước tối thiểu 1,5
in theo khoảng cách xa nhất

Tamanho mínimo 1 1/2" no eixo mais comprido

Tamanho mínimo 1 1/2"
desde la parte más ancha del axis

សមប្បមាន ទំហំប្រវែង ១អ៊ីងកន្លះ

ຂະໜາດນ້ອຍ ບໍ່ຫລຸດ 1½" ຄວາມຍາວທັມມະຊາດ.

Boating Safety Message

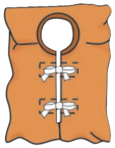

Wear your life jacket!
It won't work if you don't wear it.
Don't mix alcohol with boating.

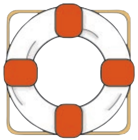

Naav Koj lub tsho plaab yaas. Nwg yuav paab tsi tau koj yog tas koj tsi kaam naav lub tsho plaab yaas. Tsi txhob haus dlej haus cawv lub sibhawm caij nkoj.

Haõy maëc aùo phao caáp cöùu Noù chaúng ích lôïi gì khi baïn khoâng maëc noù Khoâng ñi taøu khi uoáng röôïu

Use o colete salva-vidas! Não adiantará nada se você não usar o colete salva-vidas. Não beba e dirija um barco.

¡Póngase su salvavidas! ¡No funcionará si no se lo pone!
¡Salve su vida! Conozca y obedezca las leyes referentes a botes.

ពាក់អាវអណ្តែតសម្រាប់ការពារជីវិត ! វាមិនជួយទេ បើលោកមិនពាក់វា
កុំឲ្យផឹកស្រាក្នុងការបើក ឬ ជិះកាណូត

ຈົ່ງນຸ່ງເສື້ອຊ່ວຍຊີວິດຂອງຕົນ! ຖ້າບໍ່ໄດ້ນຸ່ງມັນ, ມັນຈະບໍ່ມີຜົນຫຍັງດອກ.
ຢ່າປະສົມການແລ່ນເຮືອກັບການດື່ມເຫລົ້າ.

- Please do not litter.
- Respect the environment and the rights and property of others.
- Check with RI law and fish regulations for updates and specifics.

- Thov kuas fxrob pov tej yaam knoom kws tsi zoo lawm.
- Saib taug cov xwm txheej muaj nyob ib ncig, txuj kev cai rab tej yaam khoom kws yog muaj tswr lawm.
- Cov tuabneeg tsi nyob huv ri yuavtsum muab dlaim dem ntawv

- Xin đừng xả rác
- Tôn trọng môi trường, quyền và tài sản của người khác
- Theo dõi luật của Rhode Island và quy định về cá để biết các thông tin cập nhật và những điểm đặc biệt

- Por favor, nao tirar lixo
- Respeite a meio ambiente e os direitos e a propriedade dos outros.
- Verifiquem a lei de RI e as regras de pescaderia para informacao mais recente e especifica

- Por favor, no tire basura
- Respete el medio ambiente y los derechos y propiedad de otros
- Revise las leyes de RI y las regulaciones relacionadas a la pesca para obtener información más especifica y reciente

- សូមកុំពង្រាយ
- គោរពបរិយាកាស, សិទ្ធិ និងទីក្នុងបរិវេណអ្នកដ៏ទៃ ។
- ពិនិត្តមើលច្បាប់រដ្ឋរ៉ូដអៃឡិន្ត និងច្បាប់ចាប់ត្រី និងគ្រំអំពីការប្រែប្រួលផ្លូវច្បាប់ ។

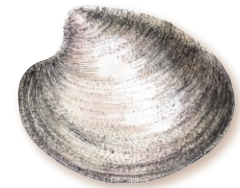

QUAHAUG (Hard Shell Clam)

Minimum size 1” hinge width

Qhov tsawg kawg nkaus Lws le 1” dlaav

Kích thước tối thiểu 1 in chiều rộng vòng ngang

Tamanho mínimo 1” de largura na dobradica

Tamaño mínimo 1” de ancho en el gozne

សមប្បប្រវែងតូចបំផុត ទទឹង ១អ៊ីង

ຂນາດນ້ອຍບໍ່ຫລຸດ 1” ຄວາມກວ້າງທັມມະຊາດ.

OYSTER

Minimum size 3” longest axis Season Sept. 15 - May 15

Qhov tsawg kawg nkaus Lws le 3” ntev txuj kaab huv plawv Lub caij 9 hlis 15-5 hlis tim 15

Kích thước tối thiểu 3 in theo khoảng cách xa nhất
Mùa câu từ 15 tháng 9 đến 15 tháng 5

Tamanho mínimo 3” no eixo mais comprido
Estacao set. 15 - maio 15

Tamaño mínimo 3” desde la parte más larga del axis
Estación: sept. 15 - mayo 15

សមប្បមាត់ ប្រវែងទំហុំតូចបំផុត ៣អ៊ីង
រដូវ ថ្ងៃទី ១៥ ខែកញ្ញា ទៅដល់ ថ្ងៃទី ១៥ ខែឧសភា

ຂນາດນ້ອຍບ່ໜ້ອຸດ 3” ຄວາມຍາວທັມມະຊາດ
ລະດູເອົາໄດ້ ແມ່ນ 09/15 ເຖິງ 05/15.

- ກະລນາຢ່າຖິ້ມຂີ້ເຫຍື້ອ
- ຮັກສາສິ່ງແວດລ້ອມ ແລະ ນັບຖືສິດທິຊັບສິນຂອງຄົນອື່ນ.
- ຈົ່ງເບິ່ງກົດໝາຍຂອງໂຮດໄອແລນ ແລະ ລະບຽບກ່ຽວກັບ ການຫາປາທີ່ບົ່ງບອກສເພາະ ຫລື ມີການປ່ຽນແປງແກ້ໄຂ.

SHELLFISH ONLY

- Check the area for pollution and limits.
  Non residents must be licensed.
- Cov tuabneeg nyob huv RI
  Saib cov chaw kws tsi huv hab txwv tsi pub
- Kiểm tra khu vực để xem có ô nhiễm và hạn chế gì không
  Nếu không phải là cư dân địa phương thì bạn phải có giấy phép
- Verifiquem a poluicao e os limtes da área
  Pessoas nao de RI precisam duma licenca
- Revise el área por señales de contaminación y limites establecidos. Los que no residen de Rhode Island deben obtener licencia.
- អ្នកដែលមិនរស់នៅក្នុងរដ្ឋរ៉ូដអៃឡិន្ត ត្រូវការមាន ច្បាប់ពីក្រសួង DEM ។
- ກະລຸນາກວດເບິ່ງບ່ອນທີ່ສົກກະປົກ ແລະ ບ່ອນຫວງຫ້າມ. ຄົນຕ່າງຖິ່ນ ຕ້ອງມີໃບອະນຸຍາດ.

BLUEFISH

No minimum size 10 fish/person/day

Lws le caag los tau Ib tug tuab neeh 10 tug ntseg ib nub

Không tính kích thước tối thiểu 10 con/ một người/ một ngày

Nao ha tamanho mínimo - 10 peixes/pessoa/dia

No hay tamaño mínimo 10 peces/persona/día

ទំហំមិនមានកំណត់ទេ - ត្រី១០ ក្នុងម្នាក់/១ថ្ងៃ

ບໍ່ມີກໍານົດຂນາດ ຄົນນຶ່ງເອົາໄດ້ 10 ໂຕຕໍ່ວັນນຶ່ງ.

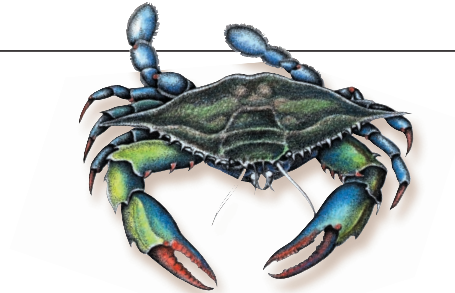

BLUE CRAB

Minimum size 5” spike to spike/RI resident only. Taking prohibited sunset to sunrise. No possession of egg-bearing crabs.

Yuav tsum yog 5” rov sau/Pejxeem RI xwb. Txwv tsi pub nuv rua lub sibhawm nub poob rua tuaj. Txwv tsi pub nuv cov roob ris kws taabtom muaj nqai.

Kích thöôùc toái thieåu 5” / daønh cho cö daân RI maø thoâi
Caám baét töø luùc maët trôøi laën ñeán maët trôøi moïc
Khoâng ñöôïc baét cua xanh ñang mang tröùng

Tamanho mínimo de 5”/Apenas para os residentes de Rhode Island. A pesca é proibida do pôr-do-sol ao nascer do sol. Não mantenha os caranguejos-azuis que estejam carregando ovos.

Tamaño mínimo 5”/solamente los residentes de RI. Se prohíbe agarrarlos desde que se pone hasta que sale el sol. No puede agarrar cangrejas azules cargadas de huevos.

តូចបំផុត ៥ អ៊ិង / សម្រាប់អ្នកដែលរស់នៅក្នុងរដ្ឋរ៉ូដអៃឡិន្តតែប៉ុណ្ណោះ
ហាមឃាត់មិនឲ្យចាប់ ក្នុងពេលថ្ងៃលិចទៅដល់ថ្ងៃរះ មិនអាចចាប់ក្តាមខៀវណាដែលមានពង

ຂະໜາດນ້ອຍສຸດ 5 ນິ້ວ/ປະຊາຊົນຣັດ RI ເທົ່ານັ້ນ
ຫ້າມຈັບລະຫວ່າງໄລຍະເວລາຕະເວັນຕົກເຖິງຕະເວັນຂຶ້ນ
ຫ້າມບໍ່ໃຫ້ມີປູຟ້າທີ່ມີໄຂ່ໃນກໍາມະສິດ

LOBSTER

Minimum size 3 3/8" carapace length Licensed resident only

Suav tsug yog ntev 3 11/32" rov sau,
pub cov nyob huv nwg lub lav xwb

Cỡ tối thiểu 3 và 11/33 in, đo theo vỏ tôm - Chỉ dành cho củ
đến có giấy phép

Tamanho mínimo: 7,5 cm e 1 cm (3 polegadas e 11/32 polegadas)
do comprimento da carapaça, Apenas para residentes licenciados

Tamaño mínimo 3 11/32" largo del carapacho, solamente para
residentes con licencia

តូចបំផុតមានប្រវែង ៣ ១១/៣២ អ៊ីង
សំរាប់អ្នកអស់នៅក្នុងរដ្ឋ ដែលមានច្បាប់ចាប់តែប៉ុណ្ណោះ

ขนาดต่ำสุด 3 11/32 นิ้ว ความยาวของเปลือกนอก,
สะเพาะคนในท้องถิ่นที่ที่ใบอะนุบาต

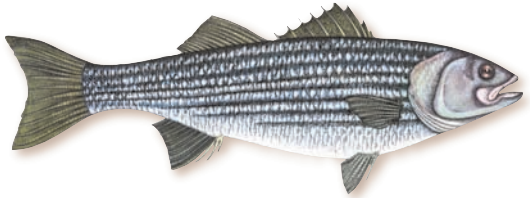

STRIPED BASS

Minimum size 28" 2 fish/person/day

Yuav tsum yob 28" rov sau. Tsuas pub 2 tug ntseg tuaj ib
tug tuabneeg tuaj ib nub.

Kích thöôùc toái thieåu 28" - 2 con 1 ngöôøi 1 ngaøy

Tamanho mínimo 28" - 2 peixes/pessoa/dia

Tamaño mínimo 28" 2 peces/persona/día

តូចបំផុត ២៨ អ៊ីង - ត្រី ២ ក្នុងម្នាក់/១ថ្ងៃ

ຂະໜາດນ້ອຍສຸດ 28 ນິ້ວ 2ໂຕຕໍ່ຄົນຕໍ່ມື້

BLACK SEA BASS

Minimum size 12” 25 fish/person/day
Season Jan. 1 - Sept. 1, Sept. 16 - Nov. 30

Suav tsum tog 12” rov sau. Pub 25 tug ntseg tuaj ib tug neeg tuaj ib nub. Sib hawm qheb yog 8 hli tim 16 hli tim 30

Cỡ tối thiểu 12 in - một người 25 con một ngày
Mùa từ 1 tháng 1 đến 1 tháng 9, và từ

Tamanho mínimo: 30,5 cm (12 polegadas)
25 peixes/pessoa/dia, Temporada: de 1 de janeiro à 1 de setembro / de 16 de setembro à 30 de novembro

Tamaño mínimo 12”, 25 peces/persona/día

តូចបំផុត ១២ អ៊ីង - ត្រី ២៥ ក្នុងម្នាក់/១ថ្ងៃ
រដូវ ថ្ងៃទី ១ ខែមករា ទៅដល់ ថ្ងៃទី ១ ខែកញ្ញា
ថ្ងៃទី ១ ខែកញ្ញា ទៅដល់ ថ្ងៃទី ៣០ ខែវិច្ឆិកា

ខນາດຕ່ຳສຸດ 12 ນິ້ວ 25 ຕົວຕໍ່ຄົນຕໍ່ວັນ
ລະດູ 1 ນົກກະລາ – 1 ກັນຍາ 16 ກັນຍາ – 30 ພິສຈິກາ

TAUTOG

Minimum size 16” 3 fish/person/day Season May 1 - Oct. 14
10 fish/person/day Season Oct. 15 - Dec. 31

Qhov tsawg kawg nkaus Lws le 16”- Ib tug tuabneeg 3 tug ntseg ib nub Lub caij 5 hlis 1-10 hlis tim 14 Ib tug tuabneeg 10 tug ntseg ib nub Lub caij 10 hlis 15-12 hlis tim 31

Kích thước tối thiểu 16 in 3 con/ một người/ một ngày
Mùa câu từ 1 tháng 5 đến 14 tháng 10
10 con/ một người/ một ngày
Mùa câu từ 15 tháng 10 đến 31 tháng 12

Tamanho mínimo 16”- 3 peixes/pessoa/dia Estacao maio 1 - oct. 14
10 peixes/pessoa/dia Estacao oct. 15 - dez. 31

Tamaño mínimo 16” 3 peces/persona/dia Estación: de mayo 1° - oct. 14
10 peces/persona/dia Estacion: de oct. 15 - dic. 31

តូចបំផុត ១៦អ៊ីង - ត្រី៣ ក្នុងម្នាក់/១ថ្ងៃ រដូវ ថ្ងៃទី ១ ខែឧសភា ទៅដល់ ថ្ងៃទី ១ ខែតុលា
ត្រី១០ ក្នុងម្នាក់/១ថ្ងៃ រដូវ ថ្ងៃទី ១៥ ខែតុលា ទៅដល់ ថ្ងៃទី ៣១ ខែធ្នូ

ຂນາດນ້ອຍບ່ຫລຸດ 16” ຄົນນຶ່ງເອົາໄດ້ 3 ໂຕຕ່ວັນນຶ່ງ ລະດູອະນຸມັດ 05/01 ເຖິງ 10/14
ຄົນນຶ່ງນີສິດໄດ້ 10 ໂຕຕ່ວັນນຶ່ງ ລະດູອະນຸມັດ 10/15 ເຖິງ 12/31

SCUP

Minimum size 10” 50 fish/person/day

Yuav tsum yog 10”rov sau. Pub 50 tug ntseg tuaj ib tug neeg tuaj ib nub

Cách đo cá (từ đầu mũi đến đầu đuôi)

Tamanho mínimo: 25,5 cm (10 polegadas)
50 peixes/pessoa/dia

Tamaño mínimo 10”, 50 peces/persona/día

តូចបំផុត ១០ អ៊ីង - ត្រី ៥០ ក្នុងម្នាក់/១ថ្ងៃ

ຂນາດຕ່ຳສຸດ 10 ນິ້ວ 50 ຕົວຕໍ່ຄົນຕໍ່ວັນ

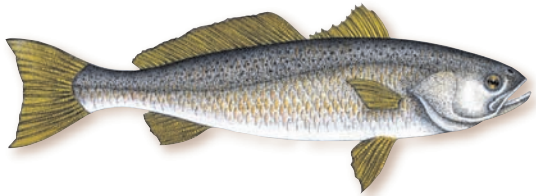

WEAKFISH

Minimum size 16” 10 fish/person/day

Suav tsum tog 16” rov sau. Pub 10 tug ntseg tuaj ib tug neeg tuaj ib nub

Cỡ tối thiểu 16 in - một người 10 con một ngày

Tamanho mínimo: 40,5 cm (16 polegadas)
10 peixes/pessoa/dia

Tamaño mínimo 16”, 10 peces/persona/día

តូចបំផុត ១៦អ៊ីង - ត្រី ១០ ក្នុងម្នាក់/១ថ្ងៃ

ຂນາດຕ່ຳສຸດ 16 ນິ້ວ 10 ຕົວຕໍ່ຄົນຕໍ່ວັນ

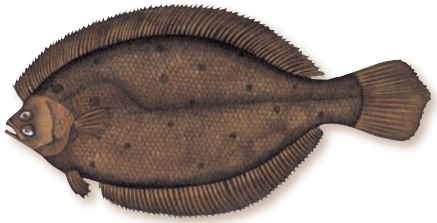

SUMMER FLOUNDER

Minimum size 17 1/2" 5 fish/person/day
Season May 1 - September 20

Yuav tsum yog 17 1/2" rov sau. Pub 5 tug ntseb tuaj ib tug neeg tuaj ib nub. Sib hawm qheb yog 5 hli tim 1 txug 8 hli tim 20

Cỡ tối thiểu 17, 5 in - một người 5 con một ngày
Mùa từ 1 tháng 5 đến 20 tháng 9

Tamanho mínimo: 44,5 cm (17,5 polegadas)
5 peixes/pessoa/dia, Temporada: de 1 de maio à 20 de setembro

Tamaño mínimo 17 1/2" 5 peces/persona/día

តូចបំផុត ១៧ ១/២ អ៊ីង - ត្រី ៥ ក្នុងម្នាក់/១ថ្ងៃ
រដូវ ថ្ងៃទី ១ ខែឧសភា ទៅដល់ ថ្ងៃទី ២០ ខែកញ្ញា

ขนาดต่ำสุด 17 1/2 นิ้ว 5 ตัวต่อคนต่อวัน
ละดู 1 พฤษภา – 20 กันยา

WINTER FLOUNDER

Minimum size 12" 4 fish/person/day
Season April 19 - May 25, September 27 - October 27

Suav tsug yog 12" rov sau. Pub 4 tug ntseg tuaj ib tug neeg tuaj ib nub. Sib hawm qheb 4hli 19 txug 5 hli 25 hab 8 hli 27 txug 10 hli 27

Cỡ tối thiểu 12 in - một người 4 con một ngày
Mùa từ 19 tháng Tư đến 25 tháng 5, và từ
27 tháng 9 đến 27 tháng 10

Tamanho mínimo: 30,5 cm (12 polegadas)
4 peixes/pessoa/dia, Temporada: de 19 de abril à 25 de maio / de 27 de setembro à 27 de outubro

Tamaño mínimo 12", 4 peces/persona/día, La temporada comienza el 19 de abril mayo 25 y de septiembre 27 a octubre 27

តូចបំផុត ១២ អ៊ីង - ត្រី៤ ក្នុងម្នាក់/១ថ្ងៃ
រដូវ ថ្ងៃទី ១៩ ខែមេសា ទៅដល់ ថ្ងៃទី ២៥ ខែឧសភា
រដូវ ថ្ងៃទី ២៧ ខែកញ្ញា ទៅដល់ ថ្ងៃទី ២៧ ខែតុលា

ขนาดต่ำสุด 12 นิ้ว 4 ตัวต่อคนต่อวัน
ละดู 19 เมษา – 25 พฤษภา, 27 กันยา - 27 ตุลา